

2 HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2.1. Kiến thức tiếng Việt và mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 6*

a. Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK *Ngữ văn 6* được thực hiện theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018. Các kiến thức này thuộc các cấp độ và bình diện ngôn ngữ khác nhau:

- Từ vựng: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; nghĩa của yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.
- Ngữ pháp: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; trạng ngữ (đặc điểm, chức năng liên kết câu); công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp); dấu ngoặc kép (đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt).
- Hoạt động giao tiếp: biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ; đoạn văn và VB: đặc điểm và chức năng; lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu với việc thể hiện nghĩa của VB; một số kiểu, loại VB.
- Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: hiện tượng vay mượn từ, từ mượn, sử dụng từ mượn; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

b. Mục tiêu của việc dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 6* là trang bị cho HS công cụ để đọc hiểu, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo logic của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Vì vậy, các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng, theo cách mà *Ngữ văn 6* thuộc Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đã thực hiện. Điều đó hẳn sẽ làm cho nhiều thầy cô bối rối. Nhưng điều này hoàn toàn đi theo chủ trương tích hợp kiến thức tiếng Việt và những kiến thức ngữ văn khác vào một bài học lấy VB làm trung tâm.

Do yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học theo yêu cầu của chương trình, SGK *Ngữ văn 6* còn thiết kế nhiều bài tập đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học trước đó, kể cả kiến thức đã học ở tiểu học để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ của VB.

Trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung như vậy, mỗi tiết *Thực hành tiếng Việt* đều bắt đầu bằng việc phân tích yêu cầu cần đạt cụ thể. Chẳng hạn, ở bài 3. *Yêu thương và chia sẻ*,

có 2 tiết thực hành tiếng Việt. Tiết 1 yêu cầu HS hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, nhận biết được cụm danh từ và biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ. Tiết 2 yêu cầu HS nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ và biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ, cụm tính từ.

2.2. Chuẩn bị bài học

a. Những kiến thức cần nắm

GV đọc kỹ phần kiến thức tiếng Việt trong *Tri thức ngữ văn cho GV* trong SGK.

b. Phương tiện dạy học

Ngoài SGK và tài liệu thiết kế kế hoạch dạy học theo hình thức thông thường, GV nên chuẩn bị thêm bài giảng điện tử để trình chiếu các nội dung cần thiết.

2.3. Triển khai dạy học thực hành tiếng Việt

a. Hình thành kiến thức mới

Đây là hoạt động mở đầu phần *Thực hành tiếng Việt*. Với bài không có kiến thức mới mà chỉ dùng kiến thức đã học, chủ yếu là đã học ở tiểu học để thực hành thì hoạt động mở đầu sẽ là củng cố kiến thức đã học; GV giúp HS ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Tuy nhiên, dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết,

Trước khi bắt đầu hoạt động hình thành kiến thức mới, với một số kiến thức phù hợp, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi, ví dụ, để HS nhận diện từ đơn và từ phức trong VB *Bài học đường đời đầu tiên*, GV có thể cho các em chơi trò chơi ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái để miêu tả Dế Mèn.

vuốt	nhọn hoắt
cánh	hủn hoản
người	rung rinh
răng	đen nhánh
	bóng mờ
	ngoàm ngoạp

GV có thể hình thành kiến thức mới cho HS bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HS tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

b. Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ

Sau khi HS đã nắm được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cần cho HS thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các hộp (box) đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt* trong SHS, GV có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HS thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV này là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HS nắm vững kiến thức hơn để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng. Nếu ngữ liệu để hình thành kiến thức và thực hành nhận biết được lấy từ những nguồn bất kì thì ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập ở *Luyện tập, vận dụng* trong SHS chủ yếu được lấy từ VB đọc có trong bài học. Phải đi theo quy trình như vậy thì hoạt động thực hành tiếng Việt mới đáp ứng mục tiêu phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HS đào sâu hơn hiểu biết về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB.

c. Luyện tập, vận dụng

Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân, theo cặp, nhóm để hoàn thành các bài tập. GV căn cứ vào thời gian của tiết học để hướng dẫn HS làm bài, không nhất thiết phải làm tất cả và tuân tự các bài tập tiếng Việt như trong SHS, ví dụ, với bài tập viết đoạn văn có sử dụng đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ cần vận dụng thực hành, GV có thể yêu cầu HS viết trên lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HS luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học. Mỗi bài học, từ bài 1 đến bài 9, dự kiến có 2 tiết cho *Thực hành tiếng Việt*. Tuy vậy, tùy vào khả năng hoàn thành của HS và số bài tập bổ sung mà GV có thể dành thời gian nhiều hơn hoặc ít hơn so với dự kiến.